

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2019

V/v xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2018/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2018, về việc “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST - DS, ngày 11 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Phúc H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn ông Hoàng Phước H trình bày: Nguyên đơn ông Hoàng Phúc H với bị đơn bà Trần Thị Ngọc D cưới nhau vào năm 2011 theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 03 tháng 11 năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Trần Quang Phú, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2012, hiện do ông H nuôi dưỡng.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không quan tâm lẫn nhau, không hạnh phúc, nên ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ vợ chồng: Ông H xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ PH thu, nợ PH trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà D biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của ông H, nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26 tháng 9 năm 2018, ngày 17 tháng 10 năm 2018, ngày 14 tháng 11 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn là loại quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con, bị đơn có nơi cư trú thuộc lãnh thổ huyện Mng Thít, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà D việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của ông H, nhưng bà D không tham gia hoà giải. Vì thế đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27 tháng 02 năm 2019, mặc dù đã tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng bà D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã bàn giao văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà D vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà D là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 do quen biết tìm hiểu với nhau và được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, ông H, bà D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03 tháng 11 năm 2011 là hôn nhân tiền bộ, hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Xét; ông H cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng cùng gia đình khắc phục, sửa chữa nhưng không thể hàn gắn lại được. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà D không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông H, bà D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét; của ông H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu Hoàng Trần Quang Phú, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2012 là có cơ sở chấp nhận, vì bà D không có ý kiến, cháu Phú hiện tại đang sống chung với ông H, việc giao cháu Phú cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng sẽ thuận lợi cho sinh hoạt và học tập cũng như giáo dục giới tính. Phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Ông H không yêu cầu, nên miễn xét.

[5] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Ông H không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông H nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Phúc H;

1. Xử cho nguyên đơn ông Hoàng Phúc H được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trần Quang Phú, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2012 cho nguyên đơn ông Hoàng Phúc H tiếp tục nuôi dưỡng, bị đơn bà Trần Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Phúc H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, lai số: N^o 0006656, ngày 30 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn Hoàng Phúc H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự (Nguyên đơn) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (Bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (H, D);
- Phòng KTNV-THA (TAT);
- VKS ND huyện MT, VL;
- UBND xã Nhơn Phú, MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hồng Phúc